

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 10 - 4 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Hoàng Viết Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T – sinh năm 1980, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị L; có vợ Phạm Thị N và có 02con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 48/2006/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 60 tháng tù về tội “Chứa mại dâm” được đặc xá ngày 17 tháng 01 năm 2009, thi hành khoản tiền án phí vào ngày 04 tháng 4 năm 2008; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 06 tháng 10 năm 2018, chuyển tạm giam ngày 12 tháng 10 năm 2018; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn K – sinh năm 1983, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1 và bà Lương Thị L2; có vợ Đồng Thị N1 và có 01con; tiền sự: Không; tiền án, nhân thân: Tại bản án số 07/2004/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản”, thi hành khoản tiền án phí vào ngày 08 tháng 4 năm 2004; tại bản án số 53/2005/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 30 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 18 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của bản án số 07/2004/HSST, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 63 tháng tù, đã thi hành xong án phí hình sự, án phí dân sự và tiền bồi thường dân sự ngày 03 tháng 9 năm 2008 và tại Bản án số 18/2014/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 42 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31 tháng 01 năm 2017; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 06 tháng 10 năm 2018, chuyển tạm giam ngày 12 tháng 10 năm 2018; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Võ Thành H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi liên quan*: Chị Đoàn Ánh H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người chứng kiến*: Ông Phạm Văn H2, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2018, Phạm Văn K cùng với Nguyễn Văn T chơi game bắn cá tại khu vực thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng hết tiền nên ra về. K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate, biển kiểm soát 16N4-6249 chở T ngồi sau. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai đi đến đoạn giữa thôn H, xã H thì gặp anh Võ Thành H đang đi bộ ngược chiều, vừa đi vừa sử dụng điện thoại di động nên T bảo K: "Mày quay lại để anh lấy điện thoại của nó". K hiểu ý T nên điều khiển xe quay lại chỗ anh H và dừng xe, chặn anh H lại. K hỏi anh H "Mày đi đâu, đi bộ ở đây", anh H trả lời "Em ở Nghệ An ra đây làm". K hỏi anh H làm cho ai thì anh H bảo làm việc cho người tên N3. T bảo anh H gọi điện cho anh N3 và khi anh H đang gọi điện thì T bảo anh H "Mày đưa điện thoại tao xem có phải gọi cho thằng N3 không hay gọi cho ai khác thì tao đánh chết mày giờ". Thấy xung quanh không có người qua lại, bản thân chỉ có một mình nên anh H sợ đưa máy điện thoại cho T. Do muốn chở anh H đến chỗ vắng người để dễ chiếm đoạt tài sản nên K bảo anh H "Mày lên xe tao chở đến chỗ N3". Anh H lên xe ngồi giữa, T ngồi sau, K điều khiển xe chở T và anh H đến đoạn đường trước cổng khu công nghiệp A thì dừng xe lại. Tại đây, anh H giằng co với T để lấy lại điện thoại mà T cầm trên tay. Thấy vậy, K mở cốp xe lấy 01 chiếc cò lê và 01 chiếc tô vít đến chỗ anh H đe dọa. Anh H sợ bị K đánh nên bỏ tay ra khỏi điện thoại rồi cung cấp mật khẩu điện thoại theo yêu cầu của T và K. Tiếp đó, K bảo anh H "Đưa 50.000đ trả tiền xe ôm". Anh H thấy K vẫn còn cầm tô vít trên tay nên sợ hãi buộc phải đưa 50.000đ cho K. Sau khi chiếm đoạt được tài

sản của anh H thì K chở T về nhà. Trên đường đi, K bảo T "Anh đưa em cái điện thoại, em đưa anh 500.000đ", T đồng ý và nhận tiền K đưa. K cầm điện thoại về phòng trọ ở thôn T, xã L đưa cho bạn gái là Đoàn Ánh H1 sử dụng.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, anh H đến cơ quan Công an trình báo và cung cấp địa chỉ Icloud của điện thoại để phục vụ công tác điều tra. Đến khoảng 15 giờ 45 phút ngày 06 tháng 10 năm 2018, lực lượng Công an kiểm tra phòng trọ của chị Đoàn Ánh H1 và thu giữ điện thoại trên. Cơ quan công an cũng thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate, biển kiểm soát 16N4-6249; 01 cờ lê dài 30cm; 01 tô vít dài 19cm có cán bằng nhựa; 01 mũ lưỡi trai màu cam; 01 áo khoác có mũ, trên áo có hoa văn tối màu; 01 đôi giày đen xám có đế màu trắng.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A ngày 15 tháng 10 năm 2018 đã kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 6S Plus trị giá 6.000.000đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn K khai nhận như nội dung đã nêu trên. Mục đích chiếm đoạt tài sản của anh H để bán lấy tiền ăn tiêu.

Công bố lời khai bị hại, người liên quan, người chứng kiến có nội dung như các bị cáo đã khai nhận. Bị hại đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 6S Plus và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 50.000đ đã bị chiếm đoạt.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn K về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, phân hóa vai trò các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 đến 09 năm tù về tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 08 đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê dài 30cm; 01 tô vít dài 19cm có cán bằng nhựa; 01 mũ lưỡi trai màu cam; 01 áo khoác có mũ, trên áo có hoa văn tối màu; 01 đôi giày đen xám có đế màu trắng.

Trả lại cho chị Đoàn Ánh H1 01 xe mô tô màu đỏ, đen nhãn hiệu Suzuki Hayate, biển kiểm soát 16N4-6249.

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại 500.000đ là khoản thu lợi bất chính; buộc bị cáo Phạm Văn K phải nộp lại 50.000đ là khoản tiền do phạm tội mà có.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn K đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi liên quan và của người chứng kiến, phù hợp với Bản kết luận định giá tài sản ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A; phù hợp với vật chứng đã thu được, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn K đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho anh Võ Thành H lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt của anh Võ Thành H 01 điện thoại Iphone 6 Plus và 50.000đồng vào sáng ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại khu vực công khu công nghiệp A.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp nên hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Cướp tài sản"; vi phạm Điều 168 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi cướp tài sản của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý lo ngại trong nhân dân. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[5] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo sử dụng cờ lê, tã vít để tấn công bị hại. Theo quy định của pháp luật thì cờ lê, tã vít là “phương tiện nguy hiểm”. Do vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn K đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự "Sử dụng phương tiện nguy hiểm".

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Nguyễn Văn T có một tiền án đã được xóa án nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn K có 02 tiền án đã được xóa án, 01 tiền án chưa được xóa án, lần phạm tội này là "Tái phạm" nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn, hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T có thời gian tham gia quân đội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về phân hóa vai trò:

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng cũng là người trực tiếp chiếm đoạt điện thoại của bị hại nên có vai trò cao hơn so với bị cáo Phạm Văn K.

[9] Đối với bị cáo Phạm Văn K: Bị cáo Phạm Văn K tuy không phải là người khởi xướng nhưng là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực, đã chở T và bị hại đến chỗ vắng để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp dùng cờ lê, tã vít để đe dọa bị hại nên có vai trò thấp hơn bị cáo Phạm Văn T.

[10] Về mức hình phạt: Bị cáo Phạm Văn K có vai trò thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn T nhưng có ít tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là ngang nhau.

[11] Về thời hạn tù của các bị cáo: Thời hạn tù của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn K tính từ ngày 06 tháng 10 năm 2018. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn K cho rằng bị cáo bị bắt vào ngày 05 tháng 10 năm 2018 là không có căn cứ. Bởi lẽ, vào hồi 15 giờ 55 phút ngày 06 tháng 10 năm 2018, Công an huyện A mới

tiến hành tìm kiếm và phát hiện vật chứng tại phòng trọ của chị Đoàn Ánh H1, sau đó thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng liên quan đến trụ sở Công an huyện A để giải quyết; điều này cũng phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Văn K tại phiên tòa về trình tự thời gian Cơ quan Công an thực hiện việc thu giữ vật chứng và triệu tập bị cáo đến Cơ quan Công an để làm việc.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Xét điều kiện hoàn cảnh, tính chất mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[13] Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô màu đỏ, đen nhãn hiệu Suzuki Hayate, biển kiểm soát 16N4-6249; 01 cờ lê dài 30cm; 01 tô vít dài 19cm có cán bằng nhựa; 01 mũ lưỡi trai màu cam; 01 áo khoác có mũ, trên áo có hoa văn tối màu; 01 đôi giày đen xám có đế màu trắng.

[14] Đối với 01 xe mô tô màu đỏ, đen nhãn hiệu Suzuki Hayate, biển kiểm soát 16N4-6249 màu đỏ đen theo kết quả xác minh là anh Vũ Văn T4 (địa chỉ: Số X đường Y, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng) đã chuyển nhượng quyền sở hữu; khi các bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội không được sự đồng ý của chị Đoàn Ánh H1 nên cần trả lại cho chị Đoàn Ánh H1 là chủ sở hữu hợp pháp.

[15] Đối với 01 cờ lê dài 30cm; 01 tô vít dài 19cm có cán bằng nhựa là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, có giá trị sử dụng không lớn; 01 mũ lưỡi trai màu cam; 01 áo khoác có mũ, trên áo có hoa văn tối màu; 01 đôi giày đen xám có đế màu trắng là tài sản của bị cáo Phạm Văn K, có giá trị sử dụng không lớn và bị cáo K cũng không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự:

[16] Bị hại Võ Thành H không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với số tiền 50.000đ bị cáo K chiếm đoạt của bị hại và số tiền 500.000đ bị cáo K trả cho bị cáo T là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về những vấn đề khác:

[17] Trong vụ án này, chị Đoàn Ánh H1 không biết chiếc điện thoại bị cáo K đưa chị sử dụng là do phạm tội mà có, không biết việc K sử dụng chiếc xe mô tô để phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với chị Đoàn Ánh H1 là có căn cứ.

[16] Về án phí: Theo quy định của pháp luật các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn K 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản”

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản”

Thời hạn tù của các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn T tính từ ngày 06 tháng 10 năm 2018.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn T.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê dài 30cm; 01 tô vít dài 19cm có cán bằng nhựa; 01 mũ lưỡi trai màu cam; 01 áo khoác có mũ, trên áo có hoa văn tối màu; 01 đôi giày đen xám có đế màu trắng.

Trả lại cho chị Đoàn Ánh H1 01 xe mô tô màu đỏ, đen nhãn hiệu Suzuki Hayate, biển kiểm soát 16N4-6249.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp khoản tiền thu lợi bất chính 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Văn K phải nộp khoản tiền do phạm tội mà có 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP;
Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch